

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST  
Ngày: 20/3/2024  
V/v Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa và Bà Lê Thị Ngọc Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024.

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959 và ông Hoàng Văn T, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. (Bị đơn ông Hoàng Văn T vắng mặt, bà Nguyễn Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/10/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 28 tháng 7 năm 2015, vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T có vay của bà Trần Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), ngày 05/9/2015 vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T vay thêm của bà Trần Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tổng cộng cả hai lần vay là 60.000.000 đồng

(Sáu mươi triệu đồng). Hai bên thống nhất thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày 05/9/2015, lãi suất do hai bên thoả thuận. Tuy nhiên, bà Trần Thị H đã đến nhà gặp trực tiếp vợ chồng ông T và H1 để yêu cầu trả nợ, nhưng ông T, bà H1 cứ hẹn mãi không trả.

Nay, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T phải trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền 107.833.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), tiền lãi đối với khoản vay 40.000.000 đồng tính từ ngày 28/7/2015 đến ngày 28/7/2023 là 32.000.000 đồng; tiền lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 05/9/2015 đến ngày 05/8/2023 là 15.833.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi tính lãi đến ngày xét xử 20/3/2024 là 52.316.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 17/11/2023 và biên bản hòa giải ngày 05/01/2024, ông Hoàng Văn T cho rằng: ông Hoàng Văn T không vay tiền của bà Trần Thị H, chữ ký trong khế ước vay tiền là giả mạo chữ ký của ông T. Việc bà Trần Thị H cho rằng đến nhà ông đòi nợ nhiều lần là không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023, bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận có vay của bà Trần Thị H số tiền 60.000.000 đồng (lần 1 ngày 28/7/2015 vay số tiền 40.000.000 đồng, lần 2 ngày 05/9/2015 vay số tiền 20.000.000 đồng). Bà H1 đồng ý trả nợ số tiền gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi 47.833.000 đồng theo yêu cầu của bà H. Bà H1 cho rằng chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 28/7/2015 và ngày 05/9/2015 là do bà giả chữ ký của chồng bà là ông Hoàng Văn T để ký giấy vay tiền, chứ chồng bà hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 52.316.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T, trú tại: Khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Qua xác minh về nơi cư trú của bị đơn, ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, bà Nguyễn Thị H1 hiện đang chấp hành án tại trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2015 đến nay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa bà Trần Thị H với bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 hiện đang chấp hành án tại trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai ông Hoàng Văn T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng giao dịch giữa bà Trần Thị H với bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn T được thực hiện vào ngày 28/7/2015 và ngày 05/9/2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/12/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023, bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận có vay của bà Trần Thị H 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng (lần 01 vay vào ngày 28/7/2015 với số tiền 40.000.000 đồng, lần 02 vay vào ngày 05/9/2015 với số tiền 20.000.000 đồng), bà H1 đồng ý trả số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi 47.833.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 17/11/2023 và biên bản hòa giải ngày 05/01/2024, ông Hoàng Văn T cho rằng: Ông không vay tiền của bà Trần Thị H, chữ ký trong giấy vay tiền là giả mạo chữ ký của ông T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023, bà Nguyễn Thị H1 cũng thừa nhận chữ ký Hoàng Văn T trong giấy vay tiền đề ngày 28/7/2015 và ngày 05/9/20215 là do bà giả mạo chữ ký của ông T để ký vào, ông T không biết việc bà có vay mượn tiền của bà Trần Thị H.

Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị xét thấy cần thiết đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký của ông Hoàng Văn T, nhưng bà Trần Thị H không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu buộc ông Hoàng Văn T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà Nguyễn Thị H1 (khoản 2 Điều 102, khoản 2 Điều 160 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng vay tiền đề ngày 27/8/2015 và ngày 05/9/2015 là do bà Trần Thị H với bà Nguyễn Thị H1 tự lập, thỏa thuận có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền gốc tổng cộng 60.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi: Tại phiên tòa bà Trần Thị H yêu cầu tiền lãi 10%/năm đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng tính từ ngày 28/7/2015 đến ngày 20/3/2024 là 35.011.000 đồng; Tiền lãi đối với khoản gốc 20.000.000 đồng tính từ ngày 05/9/2015 đến ngày 20/3/2024 là 17.305.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tiền lãi trên là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận. (Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015)

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 52.316.000 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 117, 280, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị H1.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền gốc 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi 52.316.000 đồng (*Năm mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 5.615.800 đồng (*Năm triệu sáu trăm mười lăm ngàn tám trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.695.825 đồng (*Hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng*) theo biên lai số 0000183 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP

**Nguyễn Phương Tiến**